

Số: 132C/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 19 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5- TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ quyết định số 1356/QĐ-ĐLTKV ngày 16/5/2025 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Điện lực – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Tổng Công ty Điện lực -TKV;

Căn cứ văn bản số 1370/ĐLTKV-KH ngày 19/5/2025 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc Giao /Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 642/QĐ-ĐN5 ngày 19/5/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV;

Căn cứ QCVN 25:2025/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện kèm theo Thông tư 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

Căn cứ tờ trình ngày 08/9/2025 của Phòng KTAT về việc phê duyệt Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5;

Căn cứ thư mời khảo sát, báo giá số 1285/TMBG-ĐN5 ngày 12/9/2025 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV;

Căn cứ báo giá của nhà cung cấp ngày 16/9/2025;

Căn cứ báo cáo đánh giá so sánh giá của Tổ chuyên gia ngày 18/9/2025;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia ngày 18/9/2025 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán chi phí và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 với nội dung như sau:

1. Tên dự toán: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5;

2. Giá trị dự toán: **114.782.400 đồng** (Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng). Giá trên đã bao gồm các khoản thuế, phí lệ phí liên quan. Chi tiết như phụ lục 1 đính kèm.

3. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5.

- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí SXKD năm 2025.

- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Mục m Khoản 3, Điều 8 ban hành tại Quyết định số 1590/QĐ-ĐN5 ngày 19/11/2024.

- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Tháng 9 năm 2025

- Loại hợp đồng: Trọn gói.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Địa điểm thực hiện: Nhà Máy thủy điện Đồng Nai 5, Xã Bảo Lâm 5, Tỉnh Lâm Đồng.

- Nội dung yêu cầu của gói cung cấp chi tiết như phụ lục 2 kèm theo.

Điều 2. Dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được phê duyệt là căn cứ để tổ chức lựa chọn nhà cung cấp và các công tác khác có liên quan.

Điều 3. Giao cho phòng Kế hoạch Đầu tư – Vật tư, Tổ chuyên gia tổ chức thực hiện lựa chọn nhà cung cấp đúng theo quy định hiện hành và giao cho Phòng Kỹ Thuật An Toàn thực hiện nghiệm thu dịch vụ đo, vẽ bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV của nhà cung cấp thực hiện gói cung cấp nêu trên.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các phòng có liên quan trong Công ty căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trang Website TKV (để đăng tải);
- Trang Website TCT (để đăng tải);
- Lưu: VT, TCKT, KHĐTVT, (D02).



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 1. BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN
Về việc Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp
220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5
(Kèm theo Quyết định Số 1320/QĐ-ĐN5 ngày 19 tháng 9 năm 2025)

STT	Tên công việc	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền sau thuế	Ghi chú
1	Chi phí đo trạm biến áp 220kV	92.280.000	7.382.400	99.622.400	Phụ lục 1.1
2	Chi phí khác	14.000.000	1.120.000	15.120.000	Phụ lục 1.1
	Tổng cộng	106.280.000	8.502.400	114.782.400	

(Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng).

PHỤ LỤC 1.1. BẢNG DỰ TOÁN ĐƠN GIÁ CHI TIẾT
 Về việc Cung cấp dịch vụ Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ điện trường tại trạm biến áp 220kV
 (Kèm theo Quyết định Số 132Đ/QĐ-ĐN5 ngày 19 tháng 9 năm 2025)

STT	Tên dịch vụ thực hiện	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Số lượng	Tần suất	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí đo trạm biến áp 220kV	Đo điện trường trên toàn bộ diện tích mặt bằng trạm điện 220kV (91 x57m)	Điểm	966	1	80.000	77.280.000	
		Xây dựng bản đồ phân bố E trên toàn bộ diện tích trạm biến áp 220kV	Bản vẽ	1	1	15.000.000	15.000.000	
2	Chi phí khác	Chi phí nhân công	Công	2	1	500.000	1.000.000	
		Chi phí di chuyển và lưu trú	Trọng gói	1	1	3.000.000	3.000.000	
		Chi phí in bản vẽ A0 trên giấy Mica	Bản	5	1	2.000.000	10.000.000	
Tổng cộng giá trị trước thuế							106.280.000	
Thuế GTGT 8%							8.502.400	
Tổng giá trị sau thuế							114.782.400	

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

(Kèm theo Quyết định Số 1520 /QĐ-ĐN5 ngày 19 tháng 9 năm 2025)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

Mục 3: Các yêu cầu về thương mại

Mục 4: Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong HS đề xuất

Mục 5: Nội dung HS đề xuất

Mục 6: Thời hạn hiệu lực của HS đề xuất

Mục 7: Nộp, tiếp nhận, mở HS đề xuất

Mục 8: Làm rõ HS đề xuất

Mục 9: Đánh giá HS đề xuất

Mục 10: Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Mục 11: Hợp đồng

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA CUNG CẤP

Chương III. BIỂU MẪU

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5.
2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2025;
3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
4. Loại hợp đồng: Trọn gói.
5. Địa điểm thực hiện: Nhà Máy thủy điện Đồng Nai 5, Xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.
6. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có bảng chào giá dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Ban sao có chứng thực);
 - Quyết định của Cục Kỹ Thuật An Toàn Và Môi Trường Công Nghiệp-Bộ Công Thương về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung Tâm Kiểm Định Công Nghiệp II);
 - Có ít nhất 01 hợp đồng tương tự về Đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tối thiểu 80.347.680 đồng;
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 02 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Nhà Máy thủy điện Đồng Nai 5, Xã Bảo Lâm 5, Tỉnh Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước 14 giờ 30 phút 25 ngày 9 tháng năm 2025, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn 14 giờ 30 phút ngày 25 tháng 9 năm 2025. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

(Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm)

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

(Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật)

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương

III - Biểu mẫu.

(Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật của Hồ sơ đề xuất đạt mới chuyển qua Đánh giá về giá)

4. Đánh giá về giá:

- Xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:
 - + Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).
 - + Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng.
- Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn hoặc bằng đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP

1. Tên gói cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

Nội dung công việc và khối lượng thực hiện theo bảng danh mục sau:

STT	Tên dịch vụ thực hiện	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Số lượng	Tần suất	Ghi chú
1	Chi phí đo trạm biến áp 220kV	Đo điện trường trên toàn bộ diện tích mặt bằng trạm điện 220kV (91 x57m)	Điểm	966	1	Thực hiện Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
		Xây dựng bản đồ phân bố E trên toàn bộ diện tích trạm biến áp 220kV	Bản vẽ	1	1	Thực hiện Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
2	Chi phí khác	Chi phí nhân công	Công	2	1	Thực hiện Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
		Chi phí di chuyển và lưu trú	Trọn gói	1	1	Thực hiện Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực
		Chi phí in bản vẽ A0 trên giấy Mica kính	Bản	5	1	Thực hiện Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực

Mẫu số 01
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: *[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]*

Tên gói dịch vụ: *[Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu góimà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, *[Ghi tên Nhà cung cấp]*, cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ *[Ghi tên gói dịch vụ]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là

.....

[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp]*.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỬA DỊCH VỤ

**Cung cấp dịch vụ Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm
biến áp 220kV**

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

STT	Tên dịch vụ thực hiện	Nội dung công việc thực hiện	ĐVT	Số lượng	Tần suất	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Chi phí đo trạm biến áp 220kV	Đo điện trường trên toàn bộ diện tích mặt bằng trạm điện 220kV (91 x57m)	Điểm	966	1			
		Xây dựng bản đồ phân bố E trên toàn bộ diện tích trạm biến áp 220kV	Bản vẽ	1	1			
2	Chi phí khác	Chi phí nhân công	Công	2	1			
		Chi phí di chuyển và lưu trú	Trọn gói	1	1			
		Chi phí in bản vẽ A0 trên giấy Mica	Bản	5	1			
Tổng cộng giá trị trước thuế								
Thuế GTGT 8%								
Tổng giá trị sau thuế								

(Bảng chữ:.....)

*Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Mẫu số 03**CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI**

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:

2. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:

3. Thanh toán:

4. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

*Mẫu số 04***BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP**

Ngày: [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

Mẫu số 05
DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: /2025/HĐSXKD-ĐN5

**V/v Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp
220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5**

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ QCVN 25:2025/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện kèm theo Thông tư 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày / /2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5;

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày..... giữa Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV và

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày tháng năm 2025 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5;

Căn cứ nhu cầu của của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, P1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Địa chỉ: Số 10 Hoàng Văn Thụ, phường 1 Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng;

Điện thoại: 0263 3 976888; Fax: 0263 3 974888;

Tài khoản: 1020831973 tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam- CN Bảo Lộc, Lâm Đồng;

Mã số thuế: 0104297034-007;

Đại diện là ông: **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc.

BÊN B:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:

Tài khoản số:

Tại Ngân hàng:

Đại diện là: Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận và đồng ý ký kết hợp đồng Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5 với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi công việc

Bên A giao cho Bên B thực hiện công tác: Xây dựng đo, vẽ lại bản đồ cường độ điện trường tại trạm biến áp 220kV Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5. *Chi tiết khối lượng như Phụ lục kèm theo.*

Điều 2: Thời gian, địa điểm thực hiện hợp đồng

- Thời gian thực hiện hợp đồng: Thực hiện Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài hơn 60 ngày thì các Bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

- Trường hợp Bên B chậm triển khai thực hiện thì Bên B phải chịu phạt vi phạm hợp đồng tại Điều 7.

- Địa điểm thực hiện: Tại Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5, xã Bảo Lâm 5, tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3: Điều kiện kỹ thuật:

Toàn bộ công việc do Bên B thực hiện phải tuân thủ theo đúng theo QCVN 25:2025/BCT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện kèm theo Thông tư 41/2025/TT-BCT ngày 22/6/2025 của Bộ Công Thương về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện.

Điều 4: Giá trị và hình thức hợp đồng

4.1. Giá trị hợp đồng: đồng (Bằng chữ:). Giá đã bao gồm các khoản thuế phí liên quan. *Chi tiết phụ lục 1 đính kèm.*

4.2. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5: Tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán

- Tạm ứng: Không tạm ứng nhưng Bên B vẫn phải đảm bảo tiến độ và chất lượng theo hợp đồng.

- Nghiệm thu: Trong vòng 15 ngày kể từ khi thực hiện xong công việc đo vẽ và xây dựng bản đồ, Bên A có trách nhiệm nghiệm thu khối lượng công việc thực tế cho Bên B sau khi hoàn thành.

- Thanh toán: Sau khi kết thúc công việc đo vẽ và nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, Bên A thanh toán hết 100% tổng giá trị phần khối lượng hoàn thành cho Bên B sau khi Bên A nhận đầy đủ 5 bộ hồ sơ thanh toán của Bên B, thời gian chuyển trả chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đầy đủ 05 bộ hồ sơ thanh toán sau đây:

- Hồ sơ thanh toán hợp lệ 05 bộ bao gồm:
 - + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;
 - + Bản vẽ lại bản đồ phân bố E trên toàn bộ diện tích trạm biến áp 220kV;
 - + 05 Bản vẽ A0 trên giấy Mica kính
 - + Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán;
 - + Bảng tính chi tiết giá trị đề nghị thanh toán;
 - + Giấy đề nghị thanh toán;
 - + Hóa đơn tài chính hợp lệ theo quy định;

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.
- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VNĐ).
- Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Nhà cung cấp xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

Điều 6: Trách nhiệm của mỗi bên

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Cung cấp đầy đủ các hồ sơ pháp lý có liên quan đến việc đo vẽ tại trạm biến áp 220kV.
- Cử cán bộ giám sát, tạo điều kiện để Bên B hoàn thành nhiệm vụ.
- Xác nhận khối lượng làm cơ sở thanh quyết toán sau này.
- Theo dõi tiến độ thực hiện hợp đồng, chủ trì giải quyết các vướng mắc xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Thanh toán cho bên B các khoản tiền theo quy định tại hợp đồng này.

6.2. Trách nhiệm của Bên B:

- Tiến hành thí nghiệm theo đúng qui trình, qui phạm kỹ thuật của ngành điện.
- Nếu có sự cố xảy ra do sơ suất khi thực hiện nhiệm vụ thì báo cáo ngay cho Bên A cùng phối hợp xử lý.
- Lập hồ sơ thanh toán khi công việc hoàn thành.
- Bên B không được chuyển giao quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dưới bất cứ hình thức nào cho bên thứ 3 mà không được sự thỏa thuận của Bên A.
- Bên B chỉ chịu trách nhiệm trong phạm vi khối lượng công việc mình thực hiện theo đúng hợp đồng đã ký.
- Cung cấp cho Bên A đầy đủ các bản vẽ (06 bộ) trước khi Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị thực hiện.
- Bên B phải đảm bảo công tác an toàn lao động- vệ sinh lao động, PCCC theo quy định hiện hành trong quá trình thực hiện kiểm định.
- Bên B tự chịu hoàn toàn trách nhiệm để xảy ra mất an toàn trong thời gian thực hiện công việc theo hợp đồng.

Điều 7: Quy định thưởng, phạt hợp đồng

Nếu một trong hai bên vi phạm các điều khoản của hợp đồng, thống nhất xử lý như sau:

- Nếu Bên B vi phạm chậm thời gian thực hiện hợp đồng một ngày thì Bên B bị phạt 2% giá trị phần hợp đồng vi phạm và tổng giá trị bị phạt không quá 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm.
- Nếu Bên B vi phạm hợp đồng về chất lượng, kỹ thuật thì Bên B tự bỏ kinh phí đo vẽ, nghiệm thu lại công việc đo, vẽ và bị phạt 2% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.
- Phạt về nghĩa vụ thanh toán (*phạt hợp đồng do thanh toán chậm*): Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại **Điều 5** của hợp đồng thì Bên A phải chịu phạt cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất quá hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm đến khi Bên A đã thanh toán đầy đủ cho

Bên B.

Nếu do lỗi của Bên B trong quá trình thi công dẫn đến mất an toàn thì ngoài phần giá trị bồi thường và khắc phục 100% thì Bên B còn bị phạt 5% giá trị Hợp đồng cho mỗi vụ việc.

Sau khi hợp đồng có hiệu lực nếu một bên vi phạm hợp đồng thì bên tuân thủ hợp đồng có quyền đòi bên vi phạm hợp đồng bồi thường tất cả các tổn thất bao gồm các chi phí như:

- Chi phí kiện tụng.
- Chi phí đi lại.
- Chi phí luật sư.
- Chi phí giám định.
- Chi phí khác (Nếu có).

Điều 8: Bất khả kháng

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Bên B có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên A trong ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên B không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

- Trường hợp bất khả kháng xảy ra làm cho bên B không thể tiếp tục thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng thì hai bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng mà bên B đã thực hiện được để làm cơ sở thanh toán cho bên B và tiến hành chấm dứt hợp đồng.

Điều 9: Bảo mật

Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin có liên quan đến Hợp đồng sẽ được các Bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

Điều 10. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng:

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: có phát sinh các vấn đề về tiến độ thực hiện hợp đồng và các vấn đề liên quan khác.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 11. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng thời gian hợp đồng và Điều 1 tại hợp đồng này thì Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng vì lý do bất khả kháng theo điều 1 hợp đồng này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 12. Giải quyết tranh chấp

- Hòa giải: Trong thời gian hợp đồng có hiệu lực, nếu có bất kỳ tranh chấp nào xảy ra giữa Bên A và Bên B, các Bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp giữa hai Bên để giải quyết.

- Tòa án: Nếu hai bên không đạt được sự thống nhất để giải quyết tranh chấp, một trong hai Bên có quyền khởi kiện tại Tòa Án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Pháp luật. Cơ quan giải quyết tranh chấp: Tòa án có thẩm quyền nơi Bên A đặt trụ sở chính. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc giữa hai Bên. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do Bên thua kiện chịu hoàn toàn.

Điều 13: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn trở ngại hoặc có thay đổi phải được hai bên cùng bàn bạc, thỏa thuận tìm mọi biện pháp để thực hiện hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký.

- Sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ, thanh toán, trách nhiệm theo các điều khoản nêu trên không vướng mắc thì Hợp đồng sẽ được thanh lý.

- Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng này phải thực hiện bằng văn bản.

Hợp đồng được lập thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 (bốn) bản và Bên B giữ 02 (hai) bản.

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN CỦA BÊN B
GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

